

ĐỔI MỚI TƯ DUY LÝ LUẬN VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ 1986 ĐẾN NAY

LÊ THỊ GẤM*

TÓM TẮT

Trong hơn 25 năm qua, tư duy lý luận văn học Việt Nam đã có nhiều đổi mới tích cực, mạnh mẽ, từ chỗ xác lập đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của bản thân đến nỗ lực xây dựng mô hình lý thuyết mới dân chủ, khoa học. Dĩ nhiên không phải mọi vấn đề trong tư duy lý luận văn học thời đổi mới nêu ra đều đã được giải quyết triệt để, chuẩn xác. Sẽ còn những bàn cãi về nhiều vấn đề, nhưng với những gì đã đạt được, tư duy lý luận văn học Việt Nam thời đổi mới rõ ràng là đang hòa vào dòng chảy của lý luận văn học thế giới.

Từ khóa: lý luận văn học, mô thức lý luận văn học, lý luận văn học Việt Nam.

ABSTRACT

The innovation in the theoretical way of thinking of Vietnamese literature since 1986

During the past 25 years, the theory of literature in Vietnamese has many positive and dramatic changes, which are from setting subjects and research mission to making every effort to build the modern, democratic, and scientific model of theory. Certainly, not every issue in the theory of literature in the innovative time is always solved thoroughly. There will have a lot of controversy; however, with all the achievements, the theory of Vietnamese literature has been integrating into the flow of the world literature.

Keywords: theory of literature, modern of theory, Vietnamese literature.

1. Đặt vấn đề

Năm 1975, nước Việt Nam thống nhất, lịch sử dân tộc mở ra trang mới. Đặc biệt kể từ Đại hội Đảng lần thứ VI, năm 1986, Việt Nam bắt đầu thực hiện đổi mới toàn diện. Tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật” trở thành động lực thúc đẩy tiến trình vận động đổi mới tư duy trong văn học nghệ thuật nói chung, lý luận văn học nói riêng. Về cơ bản, đổi mới tư duy lý luận được thể hiện tập trung trên hai phương diện: đổi mới nhận thức về vị trí, đối tượng, nhiệm vụ của lý luận văn học và đổi mới mô thức lý luận.

2. Nhận thức mới về vị trí, đối tượng, nhiệm vụ của lý luận văn học

Trong thời gian đấu tranh chống kẻ thù xâm lăng, lý luận giữ vai trò quan trọng trên mặt trận văn hóa văn nghệ. Nhiệm vụ của lý luận văn học lúc này không phải là phát hiện, khái quát quy luật chung của văn học, mà làm mũi nhọn tiên phong trong cuộc đấu tranh ý thức hệ trong lĩnh vực văn học nghệ thuật. Do đó, nó vừa thuộc văn học lại vừa như cái gì đó ngoài tầm của văn học. Và nghiêm nhiên, lúc này, lý luận văn học đứng ngoài quy luật tồn tại của một ngành khoa học theo lẽ thường.

Năm 1986, đời sống văn học có nhiều biến đổi, đặt ra cho lý luận không ít vấn đề cần giải quyết rất ráo. Nhưng trước hết, lý luận cần giải quyết vấn đề nội tại của chính nó. Nghĩa là xác nhận

* HVCH, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

cho trùng đối tượng, nhiệm vụ, bản chất của mình. Bởi vì nếu không giải quyết được vấn đề này, lí luận có nguy cơ đánh mất mình, tan rã trong các lĩnh vực khoa học văn học khác. Cố nhiên trong trường hợp này “tiếng nói” của lí luận không đáng tin cậy, thậm chí bị lạc giữa nhiều “tiếng nói” khác to hơn, vang xa hơn.

Qua các bài báo, các công trình khoa học và các giáo trình lí luận văn học những năm đổi mới, chúng ta có thể nhận thấy nỗ lực tích cực của những nhà nghiên cứu nhằm khoanh vùng đối tượng, nhiệm vụ của lí luận văn học. Giáo trình *Lí luận văn học* năm 1986, do Phương Lựu chủ biên, sớm xác định rõ: Lí luận văn học “lấy phương diện cấu trúc, những đặc điểm rất chung của văn học, hoặc những đặc điểm của hiện tượng văn học phát triển đến mức điển hình làm đối tượng chủ yếu” [5, tr.12]. Giáo trình *Lí luận văn học*, tập 1: *Bản chất và đặc trưng văn học* (Trần Đình Sử biên soạn, 2006) cũng ghi rõ đối tượng nghiên cứu chính của lí luận văn học là “các hiện tượng văn học như tác phẩm, thể loại, nhà văn, quá trình sáng tác, sự tiếp nhận, quá trình phát triển của văn học...” [6, tr.9]. Nhà nghiên cứu Trương Đăng Dung trong bài viết có tên *Vị trí và chức năng của lí luận văn học trong hệ thống khoa nghiên cứu văn học* nhấn mạnh: “Lí luận văn học vừa nghiên cứu các phạm trù và nguyên lí văn chương lại vừa là siêu khoa học của khoa học văn học, lấy chính khoa học văn học làm đối tượng nghiên cứu” [1, tr.17].

Cùng với việc khoanh vùng đối tượng nghiên cứu, lí luận văn học Việt

Nam thời đổi mới, trong đó có giáo trình lí luận văn học, cũng đồng thời xác định nhiệm vụ nghiên cứu đặc thù của mình. Giáo trình *Lí luận văn học* (1986) cho rằng nhiệm vụ của lí luận văn học là phải từ những hiện tượng điển hình của văn học mà khái quát cho được những vấn đề có tính chất trừu tượng, qua đó định hướng – về mặt phương pháp – cho tất cả các ngành hoạt động văn học, bao gồm cả sáng tác. Trương Đăng Dung, trong bài viết nói trên, cũng nêu rõ: “Mục đích và nhiệm vụ của lí luận văn học là phát hiện, phân tích, giải thích và đánh giá những vấn đề thuộc quy luật chung của văn học. Bên cạnh đó, với đối tượng là khoa học văn học, lí luận văn học phải vượt lên trên chính hệ thống khoa nghiên cứu văn học để nghiên cứu những vấn đề phương pháp luận bên trong của khoa học văn học” [1, tr.19]. Trần Đình Sử nhấn mạnh thêm trong giáo trình *Bản chất và đặc trưng văn học*: “Lí luận văn học có nhiệm vụ khái quát bản chất, đặc trưng, cấu tạo, quy luật tồn tại và phát triển của văn học, giúp cho con người hiểu được mọi hiện tượng văn học từ tác phẩm, tác giả, loại thể, trào lưu, phong cách... cung cấp một hệ thống các khái niệm, phạm trù khoa học chặt chẽ với tư cách là những công cụ, để người đọc và các nhà phê bình, các nhà nghiên cứu văn học sử có thể vận dụng để nghiên cứu văn học một cách hữu hiệu” [6, tr.10-11].

Nhận định nói trên của các nhà nghiên cứu cho thấy đối tượng của lí luận văn học rất rộng, vừa thống nhất lại vừa đa dạng và luôn thay đổi. Nhiệm vụ khái quát quy luật trừu tượng của văn học, tức

trả lời câu hỏi “Văn học là gì?”, do đó không hề dễ dàng. Nó đòi hỏi ở người nghiên cứu một trình độ tư duy khái quát hóa cao trên cơ sở thông hiểu hệ thống quan niệm triết học nền tảng. Điều này cũng có nghĩa đổi mới lí luận văn học là một công việc nặng nhọc, và càng khó khăn hơn ở nơi mà tư duy của người làm nghiên cứu một thời gian dài đã quen hoặc buộc phải “nấp” mình dưới bóng quyền lực chính trị như ở Việt Nam. Nói như vậy để thấy tầm quan trọng, ý nghĩa khoa học lớn lao của những người làm công tác nghiên cứu thời đổi mới khi mà họ đã dũng cảm “dứt” lí luận ra khỏi quyền lực bên ngoài nó, tuyên bố văn học độc lập tương đối với chính trị và thừa nhận nó là một ngành khoa học về một lĩnh vực nghệ thuật lấy ngôn từ làm chất liệu sáng tạo, chiếm lĩnh ngôn từ với tư cách là đối tượng thẩm mĩ, là trung tâm tạo nghĩa. Một cách khác, lí luận văn học thời đổi mới nỗ lực xác lập vị trí của mình trong mối quan hệ với các hoạt động của đời sống xã hội, với con người và với văn học. Khi được xác định là một khoa học của nghệ thuật ngôn từ, lí luận văn học buộc người nghiên cứu phải tuân thủ quy tắc điểm nhìn: tiếp cận những vấn đề bản thể của đối tượng không tách rời phương thức tồn tại của nó. Điều này giúp loại trừ việc áp chế quyền lực bên ngoài lên văn học, hạn chế những giáo điều lí luận xơ cứng, quá khích của một trường phái lí thuyết. Có như vậy, lí luận văn học mới thực sự là một ngành khoa học – khoa học về một lĩnh vực của cái đẹp; mới có hi vọng thực hiện trọn vẹn vai trò là “người bạn đường”, vừa ghi

nhận nỗ lực đổi mới của sáng tác vừa định hướng cho sáng tác, đồng thời định hướng thẩm mĩ cho bạn đọc yêu văn chương.

3. Đổi mới mô thức lí luận văn học

3.1. Mô thức lí luận văn học Việt Nam giai đoạn trước 1986

Thời kì trước đổi mới, từ sau năm 1954 đến khoảng đầu những năm 80, lí luận văn học Việt Nam vận động theo hướng xây dựng hoàn thiện mô hình lí luận văn nghệ mác-xít, mô hình mà ở đó lí luận và phê bình văn học đặt lí tưởng chính trị cao hơn lí tưởng thẩm mĩ, nắm trong tay quyền “phán quyết” số mệnh tác phẩm, tác giả mà lẽ ra điều đó phải thuộc về công chúng văn học.

Bàn về tình hình lí luận văn học Việt Nam giai đoạn trước đổi mới, nhà nghiên cứu Trần Đình Sử trong bài *Lí luận văn học: khủng hoảng và lối thoát* khẳng định: “Chưa bao giờ trong lịch sử nước nhà lí luận văn học được nâng tầm quan trọng như thế, quyền lực như thế! Nó trở thành tiêu chí để phê bình, đánh giá mọi hiện tượng văn học trong nước và thế giới” [7]. Ông gọi loại lí luận văn học như thế ấy là “hình thái lí luận văn học nhà nước”, nghĩa là hệ thống vấn đề văn học chủ yếu lấy từ lí luận chính trị, triết học của một chủ thuyết...”. Thực tế, không riêng lí luận mác-xít mà tất cả các dòng lí luận văn học khác, với tư cách là ngành khoa học thứ phát, đều khởi đi từ một luận thuyết triết học nào đó, lấy triết học làm điểm tựa cho việc triển khai hệ thống vấn đề của mình. Tuy nhiên, ở một số nước như Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam trong những thời kì lịch sử đầu

tranh cách mạng, lí luận văn học mác-xít không có điều kiện để phát triển bình thường như một khoa học. Bởi vì, Trần Đình Sử lập luận: “Đã là khoa học thì trao đổi là bình thường, song ở các nước nói trên trao đổi học thuật trở thành một cuộc đấu tranh quan điểm, đấu tranh tư tưởng, cho nên nó trở nên bất biến, xơ cứng, giáo điều trong một thời gian dài dưới dạng lí luận phổ thông và gây nhiều tổn thương cho văn học” [7].

Tiếp cận các chuyên luận, giáo trình lí luận văn học thời kì này, chúng ta thường bắt gặp nhiều đoạn trích dẫn ý kiến của các vị sáng lập triết học mác-xít và những nhà lãnh đạo cách mạng như Marx, Engels, Lenin, Hồ Chí Minh, Mao Trạch Đông, Stalin, Trường Chinh... Vai trò của các soạn giả chủ yếu là diễn giải quan điểm của các nhà lãnh đạo cách mạng. Các cụm từ như: “cần chú ý”, “nên học tập”, “phải nhớ rằng”, “cần noi theo”, “phải quán triệt”, “dưới ánh sáng”... do vậy, thường xuyên xuất hiện ở hầu hết vấn đề lí luận văn học mà chuyên luận, giáo trình trình bày, cho thấy tính đối thoại của một khoa học đã bị triệt tiêu.

Từ chỗ xem bản chất, nhiệm vụ của lí luận văn học như là “loa phóng thanh” tuyên truyền, diễn giải quan điểm triết học và quan điểm chính trị về văn học nghệ thuật dẫn đến hệ quả là vấn đề bản chất và đặc trưng của văn học chỉ được nhìn nhận ở phương diện xã hội. Bản chất thẩm mĩ và bản chất ngôn ngữ không được chú ý thỏa đáng.

Sự “thống trị” tuyệt đối của lí luận mác-xít trong nền lí luận nước ta dĩ nhiên

là bởi yêu cầu cấp thiết của lịch sử dân tộc. Từ góc nhìn cách mạng, vai trò tích cực của lí luận văn học đối với sự nghiệp chung của đất nước là điều không cần bàn cãi. Tuy nhiên, gác nhiệm vụ lịch sử xã hội sang một bên, ngày nay từ góc nhìn học thuật và thẩm mĩ các nhà nghiên cứu thẳng thắn thừa nhận: mô thức lí luận văn học mác-xít ngự trị ở nước ta suốt mấy chục năm trước đổi mới tuy có điểm đúng đắn nhưng còn phiến diện, nhiều hạn chế. Lí luận tập trung chú ý đến các vấn đề ngoài văn học như các yếu tố liên quan đến sự ra đời của tác phẩm, mối liên hệ giữa văn học với hiện thực, chính trị, chức năng cải tạo xã hội của văn học, mà lãng quên các vấn đề bản thể khác của văn học cũng quan trọng và cốt yếu không kém. Mô thức lí luận nhà nước như vậy chỉ có ích nhất định trong thời chiến, nhưng không thích hợp ở thời bình. Do vậy, đổi mới mô thức lí luận là yêu cầu tất yếu, cần thiết của sáng tác, phê bình và của bản thân lí luận văn học.

3.2. Mô thức lí luận văn học Việt Nam từ năm 1986 đến nay

Từ sau năm 1986 đến nay, công cuộc đổi mới xã hội và đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng đã mang đến cho lí luận văn học “luồng gió mới”, mở rộng nhãn quan của người nghiên cứu ra thế giới cổ – kim, đông – tây. Theo đó, các nhà nghiên cứu Việt Nam trở lại, nhận thức sâu sắc hơn về vị trí, đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, tính chất của lí luận văn học, và cũng từ đây mà ý thức được rằng: “Bởi vì văn học là một hoạt động tinh thần của con người thông qua hình thức thẩm mĩ, hình thức đánh giá mà

chiếm lĩnh thế giới, cho nên lí luận văn học không đơn giản là hệ thống kiến thức về văn học mà còn là hệ thống giá trị về văn học” [6, tr.14]. Các nhà nghiên cứu thống nhất: “Đổi mới không còn là phương diện của lịch sử mà đã trở thành mục tiêu của văn học nói chung và lí luận văn học nói riêng, là nhân tố quan trọng cấu tạo lại hệ thống lí thuyết văn học ở Việt Nam” [3, tr.15]. Với lí luận văn học mác-xít, các nhà nghiên cứu lựa chọn cách ứng xử khoa học: coi đây là một hệ thống mở, luôn tiếp nhận, hấp thu và phát triển các trào lưu tư tưởng khoa học khác để xây dựng mình ngày càng lớn mạnh, ngày càng hoàn thiện.

Trên tinh thần đó, các nhà nghiên cứu thời đổi mới xới lật, phê phán giáo điều lí luận xơ cứng, mở rộng biên độ tiếp nhận những điểm tiên bộ, hiện đại của lí luận thế giới nhằm bổ khuyết và xây dựng mô hình lí luận mới hoàn thiện hơn. Có thể thấy lí luận văn học Việt Nam từ 1986 đến nay vận động theo hướng xây dựng mô hình khoa học dân chủ, linh hoạt, lấy văn học với những hiện tượng điển hình của nó làm đối tượng nghiên cứu. Ở đây, các nhà nghiên cứu có quyền khám phá, phát biểu quan điểm khoa học của mình về những vấn đề văn học từ cơ bản, vĩ mô đến chuyên biệt, vi mô.

Nếu ở mô thức lí luận mác-xít trước năm 1986, bản chất xã hội được đặc biệt đề cao, trong khi đó bản chất thẩm mỹ nghệ thuật và ngôn ngữ bị xem nhẹ, thì ở mô hình lí thuyết mới các nhà nghiên cứu văn học có thái độ ứng xử khách quan với mọi phương diện bản chất và đặc

trung văn học. Theo đây, vấn đề bản chất và đặc trưng của văn học được nhìn nhận như là một thể thống nhất, chuyển hóa qua lại giữa các bình diện xã hội, thẩm mỹ và ngôn ngữ. Nhà nghiên cứu Lê Đình Ky có lẽ là người mở đường cho ý hướng này. Bài viết có nhan đề *Cảm nhận văn học* đã phác họa uyển chuyển chân dung thực thể văn học với sự hòa quyện của ba bình diện xã hội, thẩm mỹ và ngôn ngữ văn học. Điều đó, theo ông, cho phép văn học “đẩy lùi mãi những giới hạn, những hạn chế không tránh khỏi trong đời sống thực, cho phép mở rộng đến vô cùng những ước vọng và khả năng vươn tới của con người” [3, tr.18]. Đến với văn học nghệ thuật, “con người như được giải thoát mọi ràng buộc và tự do tái tạo đời sống theo lí tưởng của mình... mà chân vẫn bám chặt lấy đất mẹ, vẫn sống cuộc đời của tất cả mọi người. Mơ ước táo bạo mà không viển vông, nhảy xổ vào tương lai mà không phút nào quên hiện tại trước mắt” [3, tr.19]. Về sau, quan điểm trên của Lê Đình Ky được các nhà nghiên cứu khác như Nguyễn Văn Hạnh, Phương Lựu, Huỳnh Như Phương, Trần Đình Sử, Trương Đăng Dung, Trịnh Bá Đình... kế tục và phát triển. Quan điểm này cũng được thống nhất trong hầu hết giáo trình lí luận văn học thời đổi mới. Ở đây, bên cạnh bản chất xã hội, bản chất thẩm mỹ và ngôn ngữ cũng được trình bày khách quan, mở rộng tri thức đến mức tối đa có thể cho người học.

Sau hơn hai mươi lăm năm đổi mới, chúng ta có được một mô thức lí luận được xây dựng theo hướng nỗ lực “vượt thoát khỏi những ấu trĩ, hạn chế và bất

cập một thời để trở nên khoa học, khách quan, trở về đúng với bản thể của mình”, nhằm tạo lập “một nền lí luận dân chủ, đối thoại cởi mở, khuyến khích những tranh biện, tìm tòi vì lợi ích chung của cộng đồng” [3, tr.8]. Cố nhiên, mô hình lí thuyết văn học từ 1986 đến nay không phải đã hoàn thiện, song với chiều hướng phát triển ấy, người nghiên cứu có điều kiện tiến gần hơn đến những vấn đề bản thể văn học, góp phần tạo lập vị thế khoa học đáng tin cậy cho lĩnh vực này.

4. Kết luận

Như vậy, tư duy lí luận văn học Việt Nam từ 1986 đến nay đã có nhiều đổi mới tích cực, mạnh mẽ, từ chỗ xác lập đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của bản thân đến nỗ lực xây dựng mô hình lí thuyết mới dân chủ, khoa học. Dĩ nhiên không phải mọi vấn đề trong tư duy lí luận văn học thời đổi mới nêu ra đều đã được giải quyết triệt để, chuẩn xác. Sẽ còn có nhiều bàn cãi về nhiều vấn đề, nhưng với những gì đã đạt được, tư duy lí luận văn học Việt Nam rõ ràng đang “vận động cùng chiều với thế giới” (Trần Đình Sử).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Đăng Dung (1998), *Từ văn bản đến tác phẩm văn học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Cao Hồng (2011), *Một chặng đường đổi mới lí luận văn học Việt Nam (1986-2011)*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
3. Lê Đình Ky (1998), *Phê bình nghiên cứu văn học*, Nxb Giáo dục, TPHCM.
4. Phương Lưu (chủ biên) (1997), *Lí luận văn học* (tái bản lần thứ nhất), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Trần Đình Sử (chủ biên) (2007), *Giáo trình Lí luận văn học*, tập 1: *Bản chất và đặc trưng văn học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
6. Trần Đình Sử (2007), “Lí luận văn học: khủng hoảng và lối thoát”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ An*, (111).

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 07-12-2012; ngày phản biện đánh giá: 24-12-2012;
ngày chấp nhận đăng: 15-01-2013)